

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 53

N:010
C
TRÁCI
KIÊ
TỬ V.
QI
ANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2014)
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2014)
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án & quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 46.03/2015/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



23.C
TY
HỮU HẠ
N VÀ
CHÍNH
T
P.H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2013-072-1

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài
chính Quốc tế (IFC)**

Tp. Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Lương Giang Thạch

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.007.445.891.884	1.801.732.042.460
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.567.118.042.293	797.248.819.452
1. Tiền	111		674.886.605.964	565.778.819.452
2. Các khoản tương đương tiền	112		892.231.436.329	231.470.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.161.001	152.072.313.628
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	1.000.161.001	152.072.313.628
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		751.033.820.224	329.241.109.500
1. Phải thu khách hàng	131		364.991.518.270	111.089.524.530
2. Trả trước cho người bán	132		153.799.409.650	94.633.887.401
5. Các khoản phải thu khác	135	6	245.673.649.540	136.616.484.631
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(13.430.757.236)	(13.098.787.062)
IV. Hàng tồn kho	140	7	519.154.186.641	435.358.503.473
1. Hàng tồn kho	141		519.781.794.213	435.453.375.240
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(94.871.767)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.139.681.725	87.811.296.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	16.672.387.166	483.390.471
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.474.977.075	20.817.474.122
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	17.818.671.110	4.853.968.372
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	83.173.646.374	61.656.463.442
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.028.044.086.907	6.214.940.518.517
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	11	1.202.366.492.251	303.297.073.941
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		764.162.014.150	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		473.204.478.101	303.297.073.941
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(35.000.000.000)	-
II. Tài sản cố định	220		2.485.325.199.793	4.029.635.898.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	86.754.928.385	75.738.729.326
<i>Nguyên giá</i>	222		145.832.706.303	127.460.137.280
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(59.077.777.918)	(51.721.407.954)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	837.347.414
<i>Nguyên giá</i>	225		-	985.056.276
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(147.708.862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.356.033.918.314	1.622.281.693.859
<i>Nguyên giá</i>	228		1.850.139.377.804	1.830.507.229.649
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(494.105.459.490)	(208.225.535.790)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	1.042.536.353.094	2.330.778.127.986
III. Bất động sản đầu tư	240	16	235.346.087.222	225.410.202.171
<i>Nguyên giá</i>	241		246.879.657.999	233.119.709.926
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(11.533.570.777)	(7.709.507.755)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	17	1.818.296.604.007	1.439.114.906.014
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		943.146.527.143	645.482.240.408
3. Đầu tư dài hạn khác	258		878.052.976.864	833.293.774.615
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	259		(2.902.900.000)	(39.661.109.009)
V. Tài sản dài hạn khác	260		216.286.519.993	135.755.522.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	216.286.519.993	135.735.522.638
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	20.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	19	70.423.183.641	81.726.915.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.035.489.978.791	8.016.672.560.977

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.818.675.541.497	6.020.812.243.152
I. Nợ ngắn hạn	310		2.381.455.348.746	2.429.713.063.681
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	1.653.928.822.429	1.132.757.178.616
2. Phải trả người bán	312		390.012.291.766	404.184.609.024
3. Người mua trả tiền trước	313		17.998.813.640	624.030.633.844
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	93.459.242.336	53.119.169.949
5. Phải trả người lao động	315		18.075.203.095	7.768.386.459
6. Chi phí phải trả	316	22	29.052.527.325	14.366.648.623
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	116.738.862.184	126.780.763.705
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320	24	48.534.083.235	48.534.083.235
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13.655.502.736	18.171.590.226
II. Nợ dài hạn	330		3.437.220.192.751	3.591.099.179.471
3. Phải trả dài hạn khác	333	25	44.129.208.200	7.414.183.134
4. Vay và nợ dài hạn	334	26	3.392.653.775.404	3.582.700.764.061
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	27	70.610.038	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		366.599.109	984.232.276
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.681.272.027.830	1.631.242.124.680
I. Vốn chủ sở hữu	410	28	2.681.272.027.830	1.631.242.124.680
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.867.549.040.000	1.128.615.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		176.578.874.261	105.309.914.261
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.660.084.447	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.271.393.621	170.383.450
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		101.073.494.330	96.593.566.864
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		525.139.141.171	300.553.260.105
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	29	535.542.409.464	364.618.193.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.035.489.978.791	8.016.672.560.977

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại + USD	07		2.182,56	2.195,65

ng hua

Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

ng hua

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.626.126.540.664	718.498.769.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.655.166.669	11.973.887.631
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	30	2.606.471.373.995	706.524.882.134
4. Giá vốn hàng bán	11	31	2.097.743.082.713	236.197.125.711
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		508.728.291.282	470.327.756.423
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	624.343.863.480	299.850.796.565
7. Chi phí tài chính	22	33	246.753.004.656	248.717.528.969
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>231.159.472.420</i>	<i>162.978.834.161</i>
8. Chi phí bán hàng	24	34	222.557.760.002	256.016.652.655
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		117.413.008.232	67.922.089.808
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		546.348.381.872	197.522.281.556
11. Thu nhập khác	31	35	4.320.742.296	5.745.310.484
12. Chi phí khác	32	36	11.313.781.264	7.463.605.764
13. Lỗ khác	40		(6.993.038.968)	(1.718.295.280)
14. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45	37	61.018.629.673	(33.296.279.310)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		600.373.972.577	162.507.706.966
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	56.018.692.568	43.727.822.709
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		70.610.038	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		544.284.669.971	118.779.884.257
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		156.116.180.748	32.707.371.533
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		388.168.489.223	86.072.512.724
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	3.353	768

ng hua

Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

ng hua

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.037.791.655.679	806.317.591.306
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(816.336.396.512)	(507.290.687.060)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(77.148.822.390)	(66.629.983.734)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(440.233.032.264)	(409.058.666.189)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(64.072.939.024)	(94.089.232.251)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	501.696.582.944	745.755.055.474
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(531.759.554.423)	(385.668.039.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(390.062.505.990)	89.336.037.548
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(481.511.470.646)	(865.148.156.905)
2. Tiền thu do thanh lý, chuyển giao các tài sản dài hạn khác (*)	22	579.353.853.891	487.788.909.268
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(758.415.199.750)	(885.704.676.867)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	666.042.288.133	747.611.611.216
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(834.457.205.700)	(357.799.891.688)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào các đơn vị khác	26	664.878.777.171	536.438.253.505
7. Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	295.032.927.290	200.287.354.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	130.923.970.389	(136.526.597.336)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	9.196.820.000	53.353.130.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu và mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(5.389.972.614)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.512.946.532.032	3.291.847.748.237
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.290.317.484.466)	(2.884.583.594.718)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(752.149.575)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.676.661.841)	(58.289.931.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.029.007.083.536	402.327.351.736
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	769.868.547.935	355.136.791.948
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	797.248.819.452	442.112.016.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	674.906	11.187
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.567.118.042.293	797.248.819.452

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(*) Dòng tiền thu do thanh lý, chuyển giao các tài sản dài hạn khác (mã số 22) trong năm là khoản tiền mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán cho các dự án B.T Cầu Sài Gòn và Tỉnh lộ 25B.



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Thị Mai Hương
Kê toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

17
N
HIỆ
T
T
Đ
AI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và thay đổi lần thứ 16 ngày 21 tháng 01 năm 2015. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.867.809.040.000 VND, được chia thành 186.780.904 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang thực hiện đầu tư vào các công ty con như sau:

Các công ty đầu tư trực tiếp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia) (i)	TP. Hồ Chí Minh	58,72%	58,72%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	TP. Hồ Chí Minh	99,54%	99,54%	Thiết kế, xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
3. Công ty TNHH MTV Ninh Thuận (ii)	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư và kinh doanh dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 2
4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư và kinh doanh dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 1
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	TP. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	TP. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư và thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T cầu đường Bình Triệu 2
8. Công ty MTV Địa ốc Lữ gia (iii)	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
9. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ Tầng	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các công ty đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	TP. Hồ Chí Minh	52,83%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	TP. Hồ Chí Minh	58,61%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

(i) Ngày 21 tháng 7 năm 2014, Công ty đã quyết định thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) trên cơ sở tái cấu trúc Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ gia. Việc thành lập CII B&R là nằm trong lộ trình tái cấu trúc Công ty trở thành CII Holdings, trong đó CII B&R là doanh nghiệp chuyên đầu tư vào các dự án B.O.T, B.T trong lĩnh vực cầu đường của CII. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã chuyển nhượng dự án BT Cầu Sài Gòn được quản lý và thực hiện bởi Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn cho CII B&R.

(ii) Ngày 3 tháng 7 năm 2014, Hội Đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận cho Công ty tham gia đầu tư dự án Phan rang-Tháp Chàm giai đoạn 2 - Mở rộng Quốc Lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận được thành lập để thực hiện và quản lý dự án này với vốn điều lệ là 422,16 tỷ VND.

(iii) Ngày 30 tháng 11 năm 2014, Công ty đã mua lại Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII. Việc mua công ty con này cũng nằm trong lộ trình tái cấu trúc của Công ty, trong đó bao gồm mảng hoạt động về bất động sản sẽ được quản lý bởi CII Land (chưa thành lập).

Bên cạnh đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang thực hiện đầu tư vào bảy (07) công ty liên kết, (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là sáu (06) công ty). Các công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 17.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính: Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi thế thương mại (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và nợ.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 11

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ của doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê tài sản (Tiếp theo)

Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty kiểm soát nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu, chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong đó chi phí phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn của trái phiếu, các chi phí khác phân bổ trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay đầu tư cho các dự án B.O.T trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động cũng được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu lãi vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T và B.T

Lãi vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận theo điều khoản chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu của hợp đồng B.O.T được tính bằng 14%/năm trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án. Khi các dự án bắt đầu đi vào hoạt động thì khoản lãi này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu hàng năm của dự án theo hướng dẫn của công văn 6070/BTC-CST của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Lãi vốn chủ các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	5.362.198.324	8.601.164.027
Tiền gửi ngân hàng	669.524.407.640	557.177.655.425
Các khoản tương đương tiền	892.231.436.329	231.470.000.000
Cộng	1.567.118.042.293	797.248.819.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng	1.000.000.000	67.000.000.000
Vốn hợp tác đầu tư ngắn hạn	161.001	82.169.413.628
Cổ phiếu đầu tư cho mục đích thương mại	-	2.902.900.000
Cộng	1.000.161.001	152.072.313.628

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu vốn và lãi hợp tác đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	110.625.416.666	-
Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	42.522.522.222	-
Nợ gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	32.999.999.999	25.500.000.000
Phải thu lãi và vốn hỗ trợ kinh doanh Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	22.521.221.175	25.156.712.329
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii):	22.132.821.910	15.589.279.557
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc</i>	<i>13.140.000.000</i>	<i>10.472.000.000</i>
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	<i>8.992.821.910</i>	<i>5.117.279.557</i>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng	6.470.833.334	56.470.833.334
Công ty CP Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	3.730.866.028	3.730.866.028
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PTL	1.700.000.000	3.400.000.000
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.004.062.488	2.940.906.850
Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	-	1.071.319.980
Phải thu khác	965.905.718	2.756.566.553
Cộng	245.673.649.540	136.616.484.631

(i) Số dư thể hiện khoản vốn và lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án B.O.T đường cao tốc Thái Nguyên - Bắc Cạn cùng với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, trong đó Công ty được hưởng chi phí sử dụng vốn bằng 12%/năm và vốn gốc được hoàn trả 6 tháng lần kể từ ngày Công ty chuyển tiền.

(ii) Đây là phần lãi vốn chủ của các dự án B.O.T sẽ được căn trừ với doanh thu thu phí trong 12 tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.318.658.200	14.813.435.554
Công cụ, dụng cụ	99.862.327	117.507.921
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	480.032.262.985	407.759.491.788
<i>Chi phí đầu tư các dự án</i>	299.613.077.595	231.278.013.081
<i>Chi phí thi công các công trình xây dựng</i>	166.231.674.654	170.761.095.032
<i>Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang</i>	1.774.761.055	5.183.147.050
<i>Chi phí dịch vụ dở dang</i>	12.412.749.681	537.236.625
Thành phẩm	6.982.122.074	12.379.046.180
Hàng hóa	348.888.627	383.893.797
Cộng giá gốc	519.781.794.213	435.453.375.240
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(627.607.572)	(94.871.767)
Cộng giá trị thuần	519.154.186.641	435.358.503.473

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê máy móc thiết bị phục vụ các công trình xây dựng	15.781.050.909	-
Chi phí công cụ dụng cụ	891.336.257	483.390.471
Cộng	16.672.387.166	483.390.471

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.732.240.835	1.457.678.660
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	14.509.858.687	3.323.812.655
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	-
Các khoản phải thu khác	-	72.477.057
Cộng	17.818.671.110	4.853.968.372

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng cho các đội thi công các công trình xây dựng	78.686.565.360	54.985.314.891
Tạm ứng cho nhân viên	2.644.847.398	4.124.209.928
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.842.233.616	2.439.757.397
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	107.181.226
Cộng	83.173.646.374	61.656.463.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn (i)	764.162.014.150	-
Lãi vốn chủ dự án B.O.T:	421.087.065.241	301.300.996.081
<i>Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội</i>	269.136.506.794	179.474.208.675
<i>Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</i>	116.906.684.837	71.641.913.796
<i>Dự án đầu tư xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới</i>	35.043.873.610	50.184.873.610
Phải thu gốc trái phiếu đã đáo hạn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	50.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.117.412.860	1.996.077.860
Cộng	1.237.366.492.251	303.297.073.941
Dự phòng phải thu nợ gốc trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	(35.000.000.000)	-
Các khoản phải thu dài hạn thuần	1.202.366.492.251	303.297.073.941

Số dư cuối kỳ sẽ được thu hồi theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trong vòng một năm	251.418.309.508	-
Trong năm thứ hai	251.418.309.508	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	512.743.704.642	-
Cộng	1.015.580.323.658	-
Trừ: số sẽ thu được trong vòng 12 tháng tới	(251.418.309.508)	-
Số phải thu sau 12 tháng	764.162.014.150	-

- (i) Khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (UBND) thể hiện khoản phải thu về giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn sau khi chuyển giao cho UBND. Khoản này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	39.950.392.325	67.239.719.269	19.174.732.334	1.095.293.352	127.460.137.280
Mua trong kỳ	288.558.880	13.658.557.610	5.012.580.092	526.855.955	19.486.552.537
Mua lại từ tài sản thuê tài chính	-	988.343.276	-	-	988.343.276
Thanh lý, nhượng bán	(172.463.000)	(923.658.526)	(725.588.964)	(280.616.300)	(2.102.326.790)
Tại ngày 31/12/2014	40.066.488.205	80.962.961.629	23.461.723.462	1.341.533.007	145.832.706.303
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	3.874.949.179	35.129.120.864	11.820.881.174	896.456.738	51.721.407.954
Khấu hao trong kỳ	907.041.679	5.441.225.570	1.870.543.625	611.593.628	8.830.404.502
Mua lại từ tài sản thuê tài chính	-	423.159.780	-	-	423.159.780
Thanh lý, nhượng bán	(172.463.000)	(793.597.925)	(719.263.830)	(211.869.563)	(1.897.194.318)
Tại ngày 31/12/2014	4.609.527.858	40.199.908.289	12.972.160.969	1.296.180.803	59.077.777.918
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	36.075.443.146	32.110.598.405	7.353.851.160	198.836.614	75.738.729.326
Tại ngày 31/12/2014	35.456.960.347	40.763.053.340	10.489.562.493	45.352.204	86.754.928.385

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 12.041.129.222 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 13.428.038.867 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hư hỏng, không sử dụng cuối kỳ là 2.265.447.001 VND.

Công ty đã thế chấp nhà cửa, máy móc, thiết bị với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 58.223.976.883 VND, (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.457.609.390 VND), để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	985.056.276
Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	(985.056.276)
Tại ngày 31/12/2014	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	147.708.862
Khấu hao trong kỳ	275.450.918
Trả lại tài sản cố định thuê tài chính	(423.159.780)
Tại ngày 31/12/2014	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2014	837.347.414
Tại ngày 31/12/2014	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.822.183.555.199	8.031.674.450	292.000.000	1.830.507.229.649
Mua trong kỳ	-	-	300.000.000	300.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	19.377.148.155	-	-	19.377.148.155
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(45.000.000)	(45.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	1.841.560.703.354	8.031.674.450	547.000.000	1.850.139.377.804
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	207.420.608.723	758.825.451	46.101.616	208.225.535.790
Khấu hao trong kỳ	285.642.689.524	171.101.638	85.257.538	285.899.048.700
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(19.125.000)	(19.125.000)
Tại ngày 31/12/2014	493.063.298.247	929.927.089	112.234.154	494.105.459.490
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2014	1.614.762.946.476	7.272.848.999	245.898.384	1.622.281.693.859
Tại ngày 31/12/2014	1.348.497.405.107	7.101.747.361	434.765.846	1.356.033.918.314

Công ty đã thế chấp các quyền thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác mà Công ty có thể thu được từ các quyền thu phí giao thông này để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng và trái phiếu phát hành. Công ty cũng đã thế chấp quyền sử dụng đất tại đường số 25C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho khoản vay tại ngân hàng. Tổng nguyên giá của những tài sản được thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.849.592.377.804 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.830.215.229.649 VND).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang kiểm soát các quyền thu phí giao thông sau:

a. Quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí này để hoàn vốn đã ứng cho dự án xây dựng cầu Rạch Chiếc mới trên Xa lộ Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 từ Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.045.064.171.896 VND. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí tại trạm Xa lộ Hà Nội từ 0h ngày 01 tháng 06 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 61,2% (trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 42,4%, khấu hao quý 2 và quý 3 năm 2014 là 60%).

b. Quyền thu phí giao thông cầu Bình Triệu 2

Quyền thu phí này nhằm để hoàn vốn đầu tư dự án cầu đường Bình Triệu 2 (phần 1 - giai đoạn 2). Nguyên giá tại ngày khóa sổ kế toán là 215.164.902.241 VND, được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã đầu tư cho dự án theo hợp đồng B.O.T đã ký ngày 31 tháng 3 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian thu phí hoàn vốn tạm tính là trong khoảng thời gian 5 năm 3 tháng, bắt đầu thu phí một chiều từ ngày 1 tháng 5 năm 2009 và thu phí hai chiều từ tháng 4 năm 2011.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hàng năm hiện nay là 63,1% (tỷ lệ khấu hao trước ngày 1 tháng 10 năm 2014 là 52%).

c. Quyền thu phí giao thông trạm Cam Thịnh

Quyền thu phí này nhằm để hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 581.331.629.217 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo Hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Trạm thu phí đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 44,2% (tỷ lệ khấu hao trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 46%).

Việc Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí giao thông theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Công ty cũng đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào các dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	930.952.161.181	615.745.450.218
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	79.224.146.919	68.207.610.410
Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh thuận - giai đoạn 2	25.358.110.889	-
Dự án xây dựng trạm thu phí Thành Hải	1.586.643.747	
Dự án di dời đường dây cao thế đường sắt Bến Thành - Suối Tiên	1.532.018.562	1.800.436.829
Dự án di dời hạ tầng kỹ thuật trạm Xa Lộ Hà Nội	1.366.443.583	1.257.443.563
Dự án di dời tái lập tuyến ống cấp nước	1.031.600.325	962.260.647
Dự án B.O.T Cầu đường Bình Triệu 2	524.425.112	524.425.112
Dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm	785.027.727	-
Dự án Nhà máy xử lý nước thải Suối Nhum	28.013.322	28.013.322
Dự án B.T đường liên tỉnh lộ 25B (ii)	-	680.294.012.101
Dự án B.T Cầu Sài Gòn (ii)	-	953.899.868.899
Dự án Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia	-	7.908.106.885
Các dự án khác	147.761.727	150.500.000
Cộng	<u>1.042.536.353.094</u>	<u>2.330.778.127.986</u>

(i) Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ Dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội trong tương lai đã được cầm cố thế chấp cho các khoản vay và nợ dài hạn như đã trình bày tại thuyết minh số 26.

(ii) Các dự án B.T đường liên tỉnh lộ 25B và B.T Cầu Sài Gòn đã hoàn thành và được chuyển giao cho Nhà nước trong năm.

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	59.065.774.758	174.053.935.168	233.119.709.926
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	13.759.948.073	13.759.948.073
Tại ngày 31/12/2014	<u>59.065.774.758</u>	<u>187.813.883.241</u>	<u>246.879.657.999</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	606.351.142	7.103.156.613	7.709.507.755
Khấu hao trong kỳ	116.739.748	3.707.323.274	3.824.063.022
Tại ngày 31/12/2014	<u>723.090.890</u>	<u>10.810.479.887</u>	<u>11.533.570.777</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	58.459.423.616	166.950.778.555	225.410.202.171
Tại ngày 31/12/2014	<u>58.342.683.868</u>	<u>177.003.403.354</u>	<u>235.346.087.222</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- (i) Khu trung tâm thương mại từ tầng 1 đến tầng 3, khu văn phòng cho thuê từ tầng 4 đến tầng 5 và khu tầng hầm thuộc Cao ốc 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- (ii) Quyền sử dụng đất và nhà văn phòng cho thuê tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

(a) Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty thực hiện đầu tư vào bảy (07) công ty liên kết, thông tin chi tiết về các công ty liên kết này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ
2. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
3. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp
4. Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách
5. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	Khai thác, thu phí giao thông
6. Công ty Cổ phần nước Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
7. Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng	TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, kiểm định và xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Giá trị ghi số của các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

	Tại ngày 31/12/2014			Tại ngày 01/01/2014		
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	49,13%	49,13%	433.471.337.704	35,58%	35,58%	293.094.981.514
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	49,50%	49,50%	354.628.041.105	50%	49,50%	293.289.411.532
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (i)	49,57%	49,57%	77.176.022.507	-	-	-
Công ty Cổ phần Hòa Phú	30%	30%	33.122.002.967	30%	30%	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp (ii)	29,53%	43,00%	32.313.842.108	-	-	-
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	36,41%	36,41%	10.350.371.977	36,41%	36,41%	8.944.510.227
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	34,84%	35,00%	2.084.908.775	41,71%	49,00%	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	-	-	-	22,53%	22,53%	15.193.337.135
Cộng			943.146.527.143			645.482.240.408

(i) Trong năm, Công ty đã mua lại 49,57% phần vốn góp vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu. Việc đầu tư là nhằm mục đích nắm giữ lâu dài cho chiến lược phát triển của toàn Công ty. Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất việc chuyển nhượng này.

(ii) Ngày 23 tháng 7 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp với tỷ lệ đăng ký góp là 43% vốn điều lệ tương đương 103,2 tỷ VND để thực hiện dự án Mở rộng Nhà máy Nước Tân Hiệp giai đoạn 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư vào cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 01/01/2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Giá gốc khoản đầu tư				
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.967.855	129.785.291.258	2.548.600	79.928.989.009,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Aqua	1.180.000	29.500.000.000	1.180.000	29.500.000.000,00
Đầu tư Aqua	290.290	2.902.900.000	-	-
Cộng		162.188.191.258		109.428.989.009
Dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu		(2.902.900.000)		(39.661.109.009)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Aqua		(2.902.900.000)		-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		-		(39.661.109.009)
Cộng giá trị thuần		159.285.291.258		69.767.880.000

(c) Đầu tư vào các dự án

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án chung cư Diamond Riverside	458.961.083.081	458.961.083.081
Dự án nhà máy nước B.O.O Đồng Tâm	185.387.309.892	185.387.309.892
Dự án B.O.T Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	29.700.000.000
Dự án khu dân cư phường Bình An, Quận 2	14.331.906.973	14.331.906.973
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh	11.319.090.627	19.319.090.627
Dự án cầu Đồng Nai	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt	2.165.395.033	2.165.395.033
Cộng	715.864.785.606	723.864.785.606

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc mới chờ phân bổ (i)	86.290.569.921	46.599.473.451
Chi phí lãi vay dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua TP.Phan Rang - Tháp Chàm chờ phân bổ (i)	52.520.885.389	21.315.199.992
Chi phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu	41.039.208.726	50.116.072.276
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	32.122.716.833	16.552.263.552
Chi phí phát triển dự án chờ phân bổ	2.873.175.136	899.933.618
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	754.862.738	190.036.946
Chi phí khác chờ phân bổ	685.101.250	62.542.803
Cộng	216.286.519.993	135.735.522.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho các dự án B.O.T phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay của dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới là 16% (trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 8,62%) và dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 12,1% (trước ngày 1 tháng 4 năm 2014 là 22%).

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2014 VND
Tại ngày 01/01/2014	81.726.915.168
Lợi thế thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	2.387.543.006
Lợi thế thương mại giảm do thoái vốn trong công ty con	(4.556.807.783)
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(9.134.466.750)
Tại ngày 31/12/2014	70.423.183.641

Lợi thế thương mại tăng trong năm là phần chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số đã chuyển nhượng cho Công ty vào ngày 20 tháng 1 năm 2014.

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh	241.093.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	12.660.839.208	9.002.167.616
Công ty Cổ phần chứng khoán TP. HCM	5.220.983.221	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	295.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long	-	21.398.942.091
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 26)	1.394.954.000.000	807.356.068.909
Cộng	1.653.928.822.429	1.132.757.178.616

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.043.008.907	7.142.738.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.867.093.351	43.868.687.025
Thuế thu nhập cá nhân	1.244.209.559	1.218.338.267
Thuế nhà thầu	899.789.474	889.263.158
Các khoản phải nộp khác	405.141.045	142.759
Cộng	93.459.242.336	53.119.169.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí thi công liên quan đến các công trình xây dựng	24.037.710.057	13.367.648.530
Chi phí lãi vay phải trả	4.631.206.125	38.976.511
Chi phí phải trả khác	383.611.143	960.023.582
Cộng	29.052.527.325	14.366.648.623

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả lãi vay ngân hàng	32.648.499.372	10.301.102.361
Phải trả lãi trái phiếu	15.931.703.078	54.030.842.458
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	14.521.076.323	10.671.435.137
Cổ tức phải trả	13.466.531.755	1.836.549.910
Phải trả Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị số 2 về chi phí duy tu trạm thu phí	10.576.333.960	3.580.573.060
Phải trả lãi và vốn hỗ trợ kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	8.875.168.302	30.646.646.488
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi	7.820.860.639	
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	7.118.674.545	10.395.495.907
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà Nước Thành Phố Hồ Chí Minh	2.954.624.170	624.646.968
Phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây Dựng	1.521.102.070	
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	451.242.467	451.242.467
Kinh phí công đoàn	3.382.824	421.834.461
Bảo hiểm xã hội	686.460.728	1.538.758.598
Bảo hiểm y tế	47.059.646	15.936.211
Bảo hiểm thất nghiệp	17.836.105	6.911.480
Lãi chậm thanh toán phải trả Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sài Gòn	-	1.037.170.948
Phải trả Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	-	1.030.294.872
Phải trả, phải nộp khác	98.306.200	191.322.379
Cộng	116.738.862.184	126.780.763.705

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả cuối kỳ là giá trị mà Công ty phải trả cho Công ty Kênh Đông Water Holdings, được ghi nhận theo điều khoản bồi hoàn trong Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông được ký giữa Công ty và Manila Water Company, Inc (Nhà đầu tư nước ngoài). Theo đó, Công ty phải bồi hoàn cho Nhà đầu tư nước ngoài đối với các tổn thất phát sinh, nếu, vì bất kỳ lý do gì hoạt động sản xuất thương mại của dự án Kênh Đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông không được bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 2013. Hoạt động phát nước thương mại của nhà máy nước Kênh Đông được chính thức bắt đầu vào ngày 8 tháng 7 năm 2013, do đó Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn cho nhà đầu tư theo cam kết.

110
C
PÁCH
IẾI
Ư V
QT
NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nhận tiền đặt cọc từ Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	32.857.351.111	4.205.813.906
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	4.246.791.036	-
Quỹ bảo trì căn hộ	7.025.066.053	3.208.369.228
Cộng	44.129.208.200	7.414.183.134

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay	2.478.485.775.404	1.975.573.821.758
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, Thành phố Hồ Chí Minh	1.667.298.987.135	1.358.358.125.591
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh	297.999.888.519	290.533.473.477
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	280.000.000.000	49.687.500.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	233.186.899.750	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt nam - Chi nhánh Cộng Hòa	-	276.994.722.690
Trái phiếu phát hành	2.309.122.000.000	2.413.879.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi	1.198.122.000.000	913.879.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp thông thường	1.111.000.000.000	1.500.000.000.000
Nợ thuê tài chính	-	604.011.212
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu	-	604.011.212
Các khoản vay và nợ phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.394.954.000.000)	(807.356.068.909)
Cộng	3.392.653.775.404	3.582.700.764.061

Các khoản vay và nợ được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trong vòng một năm	1.394.954.000.000	807.356.068.909
Trong năm thứ hai	542.292.000.000	1.140.971.912.353
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.850.361.775.404	2.441.728.851.708
	4.787.607.775.404	4.390.056.832.970
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.394.954.000.000)	(807.356.068.909)
Số phải trả sau 12 tháng	3.392.653.775.404	3.582.700.764.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Ngày 26 tháng 10 năm 2013, Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh (Vietinbank) đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cho giai đoạn 2013-2020. Theo đó, Vietinbank sẽ tư vấn phát hành và đầu tư trái phiếu Công ty; cung cấp cho Công ty các sản phẩm về tài chính cho một số dự án mà Công ty đầu tư; dịch vụ tiền gửi và quản lý dòng tiền...cho Công ty. Lãi suất của khoản vay từ Vietinbank được thả nổi, khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho các dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa Lộ Hà Nội, dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (phần 1, giai đoạn 2), dự án B.T Cầu Sài Gòn, dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, giai đoạn 1, dự án B.O.T mở rộng Xa Lộ Hà Nội. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay là cổ phiếu do Công ty sở hữu của một số công ty con và công ty liên kết cùng các lợi ích kinh tế từ các dự án được tài trợ bằng vốn vay.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn là 14 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam công bố còn hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 và 1 tháng 7 hàng năm cộng (+) chi phí quản lý 1,5%/ năm, lãi suất cho vay không thấp hơn 7,5%/ năm. Khoản tiền vay được Công ty sử dụng để đầu tư tiểu dự án "Mở rộng trục đường chính Xa lộ Hà Nội đoạn từ cầu Sài Gòn đến ngã tư Thủ Đức". Quyền thu phí trạm Xa Lộ Hà Nội và các lợi ích đi kèm của dự án đã được Công ty sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này.

Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch 1 là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 4 tháng 9 năm 2014 nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư vào dự án thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội. Vốn vay là 280 tỷ VND, thời gian giải ngân là đến ngày 4 tháng 9 năm 2018. Thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo, tuy nhiên Công ty cam kết sử dụng 1 phần nguồn thu ngân sách từ UBND thành phố Hồ Chí Minh thanh toán theo hợp đồng B.T Cầu Sài Gòn để thanh toán cho khoản vay.

Ngày 21 tháng 10 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm huy động vốn tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ VND, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết về trái phiếu chưa đáo hạn

a. Trái phiếu doanh nghiệp chuyển đổi:

Mệnh giá 25 triệu USD, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Management quản lý.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về trái phiếu chưa đáo hạn (Tiếp theo)

- + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
- + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 4%/năm.
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Mệnh giá 71.079.000.000 VND, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 1.000.000 VND và bội số của 1.000.000 VND.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phần;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Lãi trái phiếu: 13%/năm đầu tiên, kể từ năm thứ 2 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của 4 ngân hàng thương mại lớn (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, AGR) trên địa bàn thành phố cộng (+) biên độ 2%;
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần cho 44.424.000.000 VND giá trị trái phiếu chuyển đổi và 10.000 VND/cổ phần cho 26.655.000.000 VND giá trị trái phiếu chuyển đổi;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Ngày 28 tháng 7 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện chuyển đổi 26.655 trái phiếu thành 2.665.500 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Mệnh giá 15 triệu USD, phát hành tháng 4/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Management quản lý.
- Kỳ hạn: 5 năm
 - + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
 - + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
 - + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
 - + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 4%/năm.
- Giá chuyển đổi: 10.000 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 21 tháng 4 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về trái phiếu chưa đáo hạn (Tiếp theo)

- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới), dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, dự án B.O.T cao ốc 152 Điện Biên Phủ, dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Mệnh giá 1.081.846.000.000 VND, phát hành tháng 6/2014

- Mệnh giá: 1.000.000 VND.
- Giá chào bán: 100% mệnh giá.
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần.
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014.
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Ngày 23 tháng 12 năm 2014 - hạn chuyển đổi trái phiếu đợt 1, các trái chủ đã chuyển đổi 783.148 trái phiếu với tổng mệnh giá là 783.148.000.000 VND thành 71.187.904 cổ phiếu.

Trái phiếu doanh nghiệp thông thường:

Mệnh giá 1.000.000.000.000 VND, phát hành tháng 4/2013

- Loại chứng khoán: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi.
- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).
- Số lượng: 1.000 trái phiếu.
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Trong tháng 11 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh đã mua lại trái phiếu này.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013.
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn.
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Trong năm, Công ty đã mua lại trước hạn 179 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 179 tỷ VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết về trái phiếu chưa đáo hạn (Tiếp theo)

Mệnh giá 650.000.000.000 VND, phát hành tháng 2/2014

- Loại chứng khoán: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi.
- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND
- Số lượng: 650 trái phiếu.
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ.
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014.
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn.
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank

Trong năm, Công ty đã mua lại trước hạn 360 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 360 tỷ VND.

27. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ghi nhận chi phí/(thu nhập) vào KQKD hợp nhất	
	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND	2014 VND	2013 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận chưa thực hiện	70.610.038	-	70.610.038	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại 01/01/2013	1.128.015.000.000	85.030.956.796	-	(143.061.459.596)	-	75.762.318.818	330.776.067.666	1.476.522.883.684
Tăng vốn theo ESOP	600.000.000	-	-	-	-	-	-	600.000.000
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	20.278.957.465	-	143.061.459.596	-	-	-	163.340.417.061
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	86.072.512.724	86.072.512.724
Hoàn nhập lợi nhuận do công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(45.120.600.000)	(45.120.600.000)
Trích các quỹ	-	-	-	-	170.383.450	20.831.248.046	(42.551.383.748)	(21.549.752.252)
Giảm do xác định lại giá trị lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-	(22.341.494.115)	(22.341.494.115)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	-	-	-	-	-	(8.178.910.555)	(8.178.910.555)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	197.068.133	197.068.133
Tại 01/01/2014	1.128.615.000.000	105.309.914.261	-	-	170.383.450	96.593.566.864	300.553.260.105	1.631.242.124.680
Chuyển đổi trái phiếu	738.534.040.000	71.268.960.000	-	-	-	-	-	809.803.000.000
Tăng vốn theo ESOP	400.000.000	-	-	-	-	-	-	400.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	388.168.489.223	388.168.489.223
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(135.361.800.000)	(135.361.800.000)
Trích quỹ	-	-	-	-	4.101.010.171	4.479.927.466	(8.580.937.637)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(11.419.526.906)	(11.419.526.906)
Tăng khác (ii)	-	-	6.660.084.447	-	-	-	(6.660.084.447)	-
Giảm khác (iii)	-	-	-	-	-	-	(1.560.259.167)	(1.560.259.167)
Tại 31/12/2014	1.867.549.040.000	176.578.874.261	6.660.084.447	-	4.271.393.621	101.073.494.330	525.139.141.171	2.681.272.027.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

- (i) Việc chia cổ tức trong kỳ được thực hiện theo Nghị quyết số 31/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014, trong đó tỷ lệ chia cổ tức là 12% lợi nhuận sau thuế của năm 2013.
- (ii) Tăng khác thể hiện các khoản công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thường cho Công ty.
- (iii) Giảm khác thể hiện các khoản điều chỉnh đến lợi ích cổ đông thiểu số do các giao dịch mua bán cổ phiếu trong năm.

Cổ phần

	31/12/2014 Cổ phần	01/01/2014 Cổ phần
Số lượng cổ phần được phép phát hành	186.780.904	112.927.500
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	186.754.904	112.801.500
+ Cổ phần phổ thông	186.754.904	112.801.500
Số lượng cổ phần đang lưu hành	186.754.904	112.801.500
+ Cổ phần phổ thông	186.754.904	112.801.500
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần sở hữu của các cổ đông khác trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị tài sản thuần của công ty con thuộc sở hữu của cổ đông thiểu số như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	399.324.545.209	351.491.040.000
Thặng dư vốn cổ phần	22.389.194.995	7.079.444.190
Cổ phiếu quỹ	(5.362.083.904)	-
Quỹ đầu tư phát triển	3.127.779.434	451.687.556
Quỹ dự phòng tài chính	389.406.001	85.255.502
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.673.567.729	5.510.765.897
Cộng	535.542.409.464	364.618.193.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.626.126.540.664	718.498.769.765
Doanh thu từ dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	1.009.186.255.213	-
Doanh thu từ dự án B.T đầu tư xây dựng đường liên tỉnh lộ 25B (ii)	684.435.181.733	-
Doanh thu thu phí giao thông và các khoản thu nhập từ hợp đồng chuyển nhượng quyền thu phí	528.361.872.261	456.022.317.951
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	273.110.437.878	155.547.641.751
Doanh thu bán hàng	68.200.030.984	49.761.653.997
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	40.153.304.435	47.450.186.766
Doanh thu cung cấp dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	22.088.141.045	9.716.969.300
Doanh thu từ các dự án hạ tầng khác	591.317.115	
Các khoản giảm trừ doanh thu	(19.655.166.669)	(11.973.887.631)
Lãi phát sinh từ điều khoản chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(17.590.279.556)	(9.520.186.370)
Giảm giá hàng bán	(1.519.949.323)	(107.621.935)
Hàng bán bị trả lại	(544.937.790)	(2.346.079.326)
Cộng	<u>2.606.471.373.995</u>	<u>706.524.882.134</u>

(i) Dự án xây dựng Cầu Sài Gòn đã hoàn thành và đã được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết toán thanh toán. Lợi ích kinh tế thu được từ dự án được ghi nhận vào doanh thu trên báo cáo tài chính là tổng giá trị đầu tư không bao gồm lãi vay và lãi bảo toàn vốn chủ mà nhà đầu tư được hưởng trong giai đoạn đầu tư theo quy định của hợp đồng B.T. Khoản lãi này được ghi nhận là một khoản doanh thu hoạt động tài chính như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

(ii) Dự án B.T đầu tư xây dựng đường tỉnh lộ 25B đã hoàn thành và Công ty đang thực hiện quyết toán tổng giá trị đầu tư với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong năm, Công ty đã tạm xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu theo tổng chi phí thực tế phát sinh cho dự án để làm cơ sở cho việc thanh toán của Nhà nước.

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn	1.009.186.255.213	-
Giá vốn của dự án xây dựng, chuyển giao đường liên tỉnh lộ 25B	683.991.726.866	-
Giá vốn hoạt động xây dựng	215.335.727.775	114.646.552.287
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	91.606.371.104	45.390.999.843
Giá vốn hàng bán	61.029.759.234	38.736.808.177
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	25.153.680.201	31.417.801.443
Giá vốn của dịch vụ hạ tầng và các dịch vụ khác	11.439.562.320	6.004.963.961
Cộng	<u>2.097.743.082.713</u>	<u>236.197.125.711</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi chậm thanh toán dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	192.201.405.524	-
Lãi vay phát sinh trong thời gian thi công dự án Cầu Sài Gòn (i)	147.553.112.376	-
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	143.919.891.069	82.755.162.127
Thu nhập từ đầu tư chứng khoán, chuyển nhượng dự án	67.650.059.466	107.298.475.629
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.222.801.890	73.326.840.954
Lãi phát sinh từ các dự án hợp tác đầu tư	13.433.845.538	8.749.432.887
Lãi đầu tư trái phiếu	8.994.149.641	704.895.460
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.283.639.362	26.794.498.456
Doanh thu tài chính khác	84.958.614	221.491.052
Cộng	624.343.863.480	299.850.796.565

(i) Theo điều khoản của hợp đồng B.T đã ký, lợi nhuận Công ty thu được từ dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn bao gồm lãi bảo toàn vốn chủ với tỷ suất là 14%/năm và lãi vay khoán gọn ở mức 15,9%/năm trong giai đoạn đầu tư, trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 15% và vốn vay chiếm 85% tổng mức đầu tư cho dự án. Khoản lợi nhuận này được ghi nhận một lần vào kết quả kinh doanh tại thời điểm chuyển giao.

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	231.159.472.420	162.978.834.161
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	31.646.624.002	30.019.159.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.200.717.149	9.724.109.083
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	6.306.426.755	100.700.201.810
Chi phí tài chính khác	1.808.259.336	6.643.149.120
Lãi chậm thanh toán cho nhà cung cấp	361.532.185	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	2.902.900.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(39.632.927.191)	(61.347.924.991)
Cộng	246.753.004.656	248.717.528.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2014 VND	2013 VND
Chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông	195.692.658.380	208.298.970.276
Chi phí bảo hành, duy tu trạm thu phí giao thông	7.316.062.883	8.661.375.434
Chi phí in vé thu phí giao thông	1.413.867.678	1.299.457.787
Chi phí nhân viên bán hàng	8.136.899.305	15.011.645.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	442.372.328	722.416.293
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.058.674.247	1.673.101.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.497.225.181	9.949.905.298
Chi phí thanh lý, di dời trạm thu phí	-	10.399.780.179
Cộng	222.557.760.002	256.016.652.655

35. THU NHẬP KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Truy thu khoản phạt thuế của năm trước	2.128.422.395	-
Xử lý các khoản nợ phải trả	868.169.919	327.662.318
Truy thu tiền thuế đất nộp thừa năm trước	576.571.588	-
Thu nhập khác	200.874.475	1.012.821.004
Thu nhập từ cho thuê tài sản	340.909.092	340.909.092
Các khoản thu đền bù, bồi thường	112.158.464	3.585.608.166
Thu từ thanh lý tài sản cố định	93.636.363	478.309.904
Cộng	4.320.742.296	5.745.310.484

36. CHI PHÍ KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Phạt vi phạm về thuế	5.769.658.055	4.240.758.781
Chi phí công trình bị xuất toán	2.776.252.177	-
Xóa nợ phải thu khó đòi	1.837.422.127	709.962.616
Chi phí thanh lý hàng tồn kho hư hỏng	530.765.057	-
Chi phí tòa án và phạt vi phạm hành chính	162.214.161	646.449.997
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	13.815.146	329.301.268
Chi phí khác	223.654.541	1.537.133.102
Cộng	11.313.781.264	7.463.605.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	2014 VND	2013 VND
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh trong kỳ của các công ty liên kết	67.228.862.938	(9.225.334.255)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	45.746.129.573	(15.069.461.313)
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	8.577.129.474	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	6.435.163.837	303.230.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	3.938.184.454	3.564.282.191
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	2.221.501.750	1.976.614.227
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	124.908.775	-
Công ty Cổ phần Hòa Phú	122.002.967	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	63.842.108	-
Cổ tức được chia từ các công ty liên kết	(6.210.233.265)	(24.070.945.055)
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	(1.934.730.251)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif	(3.459.863.014)	(1.870.945.055)
Công ty Cổ phần Bến bãi vận tải Sài Gòn	(815.640.000)	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-	(22.200.000.000)
Cộng	61.018.629.673	(33.296.279.310)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014		2013	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	300.403.392.207	299.970.580.370	106.178.824.514	56.328.882.452
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.800.788.704	(48.130.474.254)	75.888.652	97.919.571.963
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.800.788.704	33.258.104.029	75.888.652	23.141.424.652
Chi phí lãi vay góp vốn vào công ty khác	-	29.700.243.492	-	-
Hoàn nhập thu nhập/(lỗ) chịu thuế bị loại trừ khi hợp nhất	-	(32.563.463.440)	-	60.863.537.260
(Lãi)/lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	-	(61.018.629.673)	-	33.296.279.310
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(7.283.639.362)	-	(26.794.498.456)
Các khoản thu nhập không chịu thuế khác	-	(10.223.089.299)	-	(18.539.409.767)
Các khoản thu nhập chịu thuế năm trước chuyển sang	-	-	-	25.952.238.964
Thu nhập chịu thuế	303.204.180.911	251.840.106.117	106.254.713.166	154.248.454.415
Lỗ năm trước mang sang	-	(3.447.447.119)	-	(6.151.535.489)
Thu nhập tính thuế	303.204.180.911	248.392.658.998	106.254.713.166	148.096.918.926
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 10% (i)	303.204.180.911	12.336.126.815	106.254.713.166	6.523.670.931
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20% (ii)	-	236.056.532.183	-	-
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 22% (iii)	-	-	-	141.573.247.995
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 25%	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	30.320.418.091	54.399.662.443	10.625.471.317	36.698.046.185
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	12.295.360	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(27.106.948.560)	-	(3.595.694.794)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (i)	(1.606.734.765)	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.606.734.765	54.411.957.803	7.029.776.524	36.698.046.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

- (i) Hoạt động được ưu đãi thuế của Công ty là hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T. Cụ thể là thu nhập từ hoạt động thu phí giao thông tại trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Bình Triệu 2 và trạm Cam Thịnh để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, thu nhập từ dự án đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn. Các dự án này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.
- (ii) Thu nhập chịu thuế suất 20% là thu nhập phát sinh tại các công ty con có doanh thu phát sinh năm 2013 không quá 20 tỷ VND theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.
- (iii) Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế TNDN được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22% và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ là 20%.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	388.168.489.223	86.072.512.724
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	115.768.718	112.137.851
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.353	768

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay và nợ	5.046.582.597.833	4.715.457.942.677
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.567.118.042.293)	(797.248.819.452)
Nợ thuần	3.479.464.555.540	3.918.209.123.225
Vốn chủ sở hữu	2.681.272.027.830	1.631.242.124.680
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	130%	240%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	1.567.118.042.293	797.248.819.452
Đầu tư ngắn hạn	1.000.161.001	152.072.313.628
Phải thu khách hàng	1.124.301.989.885	109.736.908.644
Phải thu khác	1.066.241.039.939	112.816.285.759
Ký quỹ ngắn hạn	1.842.233.616	2.439.757.397
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.818.296.604.007	1.439.114.906.014
Cộng	5.578.800.070.741	2.613.428.990.894
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Các khoản vay và nợ	5.046.582.597.833	4.715.457.942.677
Phải trả người bán	332.015.212.821	347.223.004.915
Phải trả khác	132.051.816.261	116.771.091.044
Chi phí và dự phòng phải trả	77.586.610.560	62.900.731.858
Cộng	5.588.236.237.475	5.242.352.770.494

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ cuối kỳ như sau:

	31/12/2014 USD	01/01/2014 USD
Tài sản tài chính	2.182,56	2.195,65
Nợ phải trả tài chính	40.000.000	40.000.000

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 31/12/2014			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	1.567.118.042.293	-	1.567.118.042.293
Đầu tư ngắn hạn	1.000.161.001	-	1.000.161.001
Phải thu khách hàng	360.139.975.735	764.162.014.150	1.124.301.989.885
Phải thu khác	284.961.612.929	781.279.427.010	1.066.241.039.939
Ký quỹ, ký cược	1.842.233.616	-	1.842.233.616
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.818.296.604.007	1.818.296.604.007
Cộng	2.215.062.025.574	3.363.738.045.167	5.578.800.070.741
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay và nợ	1.653.928.822.429	3.392.653.775.404	5.046.582.597.833
Phải trả người bán	332.015.212.821	-	332.015.212.821
Phải trả khác	94.947.674.114	37.104.142.147	132.051.816.261
Chi phí và dự phòng phải trả	77.586.610.560	-	77.586.610.560
Cộng	2.158.478.319.924	3.429.757.917.551	5.588.236.237.475
Chênh lệch thanh khoản thuần	56.583.705.650	(66.019.872.384)	(9.436.166.734)
TẠI NGÀY 01/01/2014			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	797.248.819.452	-	797.248.819.452
Đầu tư ngắn hạn	152.072.313.628	-	152.072.313.628
Phải thu khách hàng	109.736.908.644	-	109.736.908.644
Phải thu khác	110.820.207.899	1.996.077.860	112.816.285.759
Ký quỹ, ký cược	2.439.757.397	-	2.439.757.397
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.439.114.906.014	1.439.114.906.014
Cộng	1.172.318.007.020	1.441.110.983.874	2.613.428.990.894
Nợ phải trả tài chính			
Các khoản vay và nợ	1.132.757.178.616	3.582.700.764.061	4.715.457.942.677
Phải trả người bán	347.223.004.915	-	347.223.004.915
Phải trả khác	116.771.091.044	-	116.771.091.044
Chi phí và dự phòng phải trả	62.900.731.858	-	62.900.731.858
Cộng	1.659.652.006.433	3.582.700.764.061	5.242.352.770.494
Chênh lệch thanh khoản thuần	(487.333.999.413)	(2.141.589.780.187)	(2.628.923.779.600)

Tổng chênh lệch thanh khoản thuần âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu chuyển đổi đến hạn thanh toán. Công ty tin tưởng rằng các trái phiếu này sẽ được chuyển đổi theo kế hoạch của Công ty và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 6 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động bán hàng do Công ty sản xuất và hoạt động cung cấp các dịch vụ hạ tầng cùng với một số dịch vụ khác.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- a) Hoạt động thu phí giao thông: Công ty thực hiện thu phí các phương tiện tham gia giao thông tại các trạm trên các tuyến đường Công ty được phép thu phí để hoàn vốn đầu tư vào các dự án như:
 - + Trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới;
 - + Trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2);
 - + Trạm Cam Thịnh để hoàn vốn dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- b) Hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T: Xây dựng cầu Sài Gòn, xây dựng đường liên tỉnh lộ 25B và chuyển giao cho Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- c) Hoạt động xây dựng: Thi công xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng; xây dựng và lắp đặt hệ thống đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- d) Hoạt động kinh doanh bất động sản: Xây dựng và bán căn hộ cho khách hàng, cho thuê văn phòng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- e) Hoạt động bán hàng: Công ty sản xuất và bán các thiết bị đèn, điện chiếu sáng giao thông.
- f) Hoạt động cung cấp dịch vụ hạ tầng và một số dịch vụ khác: Cung cấp dịch vụ chăm sóc cây xanh, đường xá.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này

Kết quả kinh doanh của từng bộ phận được thể hiện như bảng dưới đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Chi tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T VND	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T VND	Hoạt động xây dựng VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản VND	Hoạt động bán hàng VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Cộng VND
Doanh thu								
Doanh thu bán ra bên ngoài	510.771.592.705	1.693.621.436.946	273.210.733.203	40.153.304.435	66.626.165.661	22.088.141.045	-	2.606.471.373.995
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	-	-	212.788.930.881	557.003.759	4.379.711.940	28.711.115.294	(246.436.761.874)	-
Cộng	510.771.592.705	1.693.621.436.946	485.999.664.084	40.710.308.194	71.005.877.601	50.799.256.339	(246.436.761.874)	2.606.471.373.995
Giá vốn								
Giá vốn bán ra bên ngoài	91.606.371.104	1.693.177.982.079	215.335.727.775	25.153.680.201	61.029.759.234	11.439.562.320	-	2.097.743.082.713
Giá vốn hàng bán giữa các bộ phận	-	-	212.788.930.881	222.342.747	4.379.711.940	12.370.520.369	(229.761.505.937)	-
Cộng	91.606.371.104	1.693.177.982.079	428.124.658.656	25.376.022.948	65.409.471.174	23.810.082.689	(229.761.505.937)	2.097.743.082.713
Lợi nhuận gộp bộ phận	419.165.221.601	443.454.867	57.875.005.428	15.334.285.246	5.596.406.427	26.989.173.650	(16.675.255.937)	508.728.291.282
Doanh thu hoạt động tài chính								624.343.863.480
Chi phí tài chính								246.753.004.656
Chi phí bán hàng								222.557.760.002
Chi phí quản lý doanh nghiệp								117.413.008.232
Thu nhập khác								4.320.742.296
Chi phí khác								11.313.781.264
Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh								61.018.629.673
Chi phí thuế TNDN hiện hành								56.018.692.568
Chi phí thuế TNDN hoãn lại								70.610.038
Tổng lợi nhuận sau thuế								544.284.669.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Kết quả kinh doanh từng bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Chi tiêu	Hoạt động thu phí giao thông theo hợp đồng B.O.T	Hoạt động đầu tư theo hợp đồng BT	Hoạt động xây dựng	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Hoạt động bán hàng	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
Doanh thu bán ra bên ngoài	446.502.131.581	-	155.547.641.751	47.450.186.766	47.307.952.736	9.716.969.300	-	706.524.882.134
Doanh thu nội bộ giữa các bộ phận	-	-	95.133.263.245	229.553.156	744.246.338	20.840.919.682	(116.947.982.421)	-
Cộng	446.502.131.581	-	250.680.904.996	47.679.739.922	48.052.199.074	30.557.888.982	(116.947.982.421)	706.524.882.134
Giá vốn								
Giá vốn bán ra bên ngoài	45.390.999.843	-	114.646.552.287	31.417.801.443	38.736.808.177	6.004.963.961	-	236.197.125.711
Giá vốn hàng bán giữa các bộ phận	-	-	95.133.263.245	-	744.246.338	4.855.734.719	(100.733.244.302)	-
Cộng	45.390.999.843	-	209.779.815.532	31.417.801.443	39.481.054.515	10.860.698.680	(100.733.244.302)	236.197.125.711
Lợi nhuận gộp bộ phận	401.111.131.738	-	40.901.089.464	16.261.938.479	8.571.144.559	19.697.190.302	(16.214.738.119)	470.327.756.423
Doanh thu hoạt động tài chính								299.850.796.565
Chi phí tài chính								248.717.528.969
Chi phí bán hàng								256.016.652.655
Chi phí quản lý doanh nghiệp								67.922.089.808
Thu nhập khác								5.745.310.484
Chi phí khác								7.463.605.764
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh								(33.296.279.310)
Chi phí thuế TNDN hiện hành								43.727.822.709
Tổng lợi nhuận sau thuế								118.779.884.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn		
Mua thêm cổ phiếu tăng vốn đầu tư	133.941.192.353	199.142.059.462
Nhận chuyên nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	587.162.593.779
Cổ tức được chia	-	22.200.000.000
Chia lợi nhuận sau thuế theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	8.178.910.555
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư do thanh lý hợp đồng trước hạn	-	43.426.163.280
Lãi được hưởng từ các khoản hỗ trợ vốn và hợp đồng chuyên nhượng các khoản đầu tư	-	10.977.004.026
Lợi nhuận được hưởng từ kết quả kinh doanh	6.435.163.837	303.230.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Vinaphil		
Thoái vốn đầu tư	-	133.650.000.000
Mua lại cổ phần tăng vốn đầu tư	15.592.500.000	-
Cho vay	96.440.000.000	-
Thu hồi vốn cho vay	54.000.000.000	-
Lãi phải thu	481.188.889	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ kết quả kinh doanh	45.746.129.573	(15.069.461.313)
Công ty Cổ phần Đầu tư Cadif		
Đầu tư thêm vốn cổ phần	3.375.000.000	1.500.000.000
Thoái vốn đầu tư	16.875.000.000	-
Lợi nhuận được hưởng từ kết quả kinh doanh	3.938.184.454	3.564.282.191
Cổ tức được nhận trong kỳ	3.459.863.014	1.870.945.055
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Đầu tư vốn	70.533.623.284	-
Lợi nhuận được hưởng từ kết quả kinh doanh	8.577.129.474	-
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn		
Lợi nhuận được hưởng từ kết quả kinh doanh	2.221.501.750	1.976.614.227
Cổ tức được nhận trong kỳ	815.640.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần Hòa Phú		
Lợi nhuận được hưởng từ kết quả kinh doanh	122.002.967	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp		
Đầu tư vốn	32.250.000.000	
Lợi nhuận được hưởng từ kết quả kinh doanh	63.842.108	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư chứng khoán	118.326.457.422	127.805.172.100
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư chứng khoán	200.495.710.049	85.553.872.000
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán	6.812.650.303	8.386.573.100
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
PHẢI THU		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật V	42.522.522.222	-
Vốn hỗ trợ kinh doanh	42.440.000.000	-
Phải thu chi phí sử dụng vốn	82.522.222	-
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	32.999.999.999	25.500.000.000
Gốc trái phiếu đã đáo hạn	25.500.000.000	25.500.000.000
Lãi trái phiếu	7.499.999.999	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		
Ứng trước phí thí nghiệm công trình	1.103.355.694	-
PHẢI TRẢ		
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn		
Nhận đặt cọc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	32.857.351.111	-
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng phần vốn đầu tư vào dự án Diamond Riverside	272.670.714.696	272.670.714.696
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil		
Phải trả lãi và vốn hỗ trợ kinh doanh	-	30.646.646.488
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng		
Phải trả tiền lãi hợp tác đầu tư chứng khoán đã thu vượt	1.521.102.069	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty được hưởng trong năm:

	2014	2013
	VND	VND
Lương	7.027.593.176	5.401.904.353
Thưởng	5.671.603.110	6.019.441.025
Cộng	12.699.196.286	11.421.345.378

43. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Ngày 8 tháng 1 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua mức chi trả cổ tức năm 2014 để trình ĐHCĐ là 14% mệnh giá, giao cho Ban điều hành Công ty cân đối tài chính và chi trả vào thời điểm thích hợp.

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã ký kết các hợp đồng bán 30 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R, mã chứng khoán LGC) và hợp đồng đặt mua 1.020 tỷ VND trái phiếu được quyền nhận hoàn trả bằng cổ phiếu LGC với đối tác là Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC).

Ngày 15 tháng 1 năm 2015, các trái chủ nước ngoài sở hữu trái phiếu chuyển đổi của Công ty là AQUAMARINE HOLDINGS (CAYMAND) LTD và AMAFUND HOLDINGS (CAYMAND) LTD đã thực hiện chuyển đổi 4.000.000 USD giá trị trái phiếu (trong tổng số 15.000.000 USD được quyền chuyển đổi với giá 10.000 đồng/cổ phiếu) thành 8.536.000 cổ phiếu tại tỷ giá ngoại tệ quy đổi là 21.340 VND/USD. Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi là 85.360.000.000 VND.



Nguyễn Thị Mai Hương
Người lập biểu
Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc